|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

*Hà Nội, ngày tháng năm 2018*

**BÁO CÁO**

**Tổng kết thực hiện Nghị định 203/2013/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản**

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Văn bản số 248/VPCP-CN ngày 10 tháng 01 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ về việc rà soát, đánh giá tình hình thực hiện Nghị định số 203/2013/NĐ-CP; đề xuất việc sửa đổi, bổ sung và báo cáo Thủ tướng xem xét. Bộ Tài nguyên và Môi trường đã phối hợp với các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (UBND cấp tỉnh) tiến hành đánh giá tình hình 04 năm thực hiện Nghị định số 203/2013/NĐ-CP. Trên cơ sở Báo cáo tổng kết của 63 địa phương và các cơ quan khác, Bộ Tài nguyên và Môi trường xin báo cáo về tình hình và kết quả thực hiện Nghị định 203/2013/NĐ-CP như sau:

**I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHI ĐỊNH**

***1. Tình hình triển khai thực hiện:***

*a. Tại Trung ương:*

Từ đầu năm 2014, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã tổ chức các buổi tập huấn hướng dẫn thực hiện tại một số địa phương như Đà Nẵng, Nghệ An, Thái Nguyên, Bắc Kạn, Hà Nam, Quảng Ninh, Phú Thọ, Hòa Bình, Bình Phước, Đồng Nai… Đối với những tỉnh chưa hướng dẫn trực tiếp tại địa phương, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã chỉ đạo các cơ quan chức năng hướng dẫn, giải quyết và trả lời các vướng mắc bằng văn bản.

Để triển khai thực hiện Nghị định số 203/2013/NĐ-CP một cách trơn chu, bài bản, hạn chế vướng mắc, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã ban hành Thông tư số 38/2017/TT-BTNMT ngày 16 tháng 10 năm 2017 hướng dẫn quy đổi giá tính thuế tài nguyên để xác định giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (G) và các văn bản hướng dẫn xác định trữ lượng tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (Q), mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (R)…

*b. Tại địa phương:*

Ủy ban nhân dân, Sở Tài nguyên và Môi trường các tỉnh xác định đây là nhiệm vụ quan trọng ảnh hưởng đến tình hình kinh tế, xã hội cũng như hoạt động của các doanh nghiệp khai thác khoáng sản, do đó, một số địa phương đã phối hợp với Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam tổ chức tập huấn cho các cán bộ quản lý nhà nước trong lĩnh vực khoáng sản để nắm vững và hiểu nội dung của Nghị định.

Để phổ biến việc thực hiện Nghị định 203/2013/NĐ-CP rộng rãi giúp các tổ chức cá nhân khai thác khoáng sản hiểu rõ và chấp hành quy định, Sở Tài nguyên và Môi trường các tỉnh đã tổ chức hội nghị triển khai đến các cơ quan, đơn vị có liên quan và doanh nghiệp đang hoạt động khoáng sản nhằm lắng nghe, trao đổi ý kiến và đối thoại trực tiếp; giải đáp các thắc mắc, khó khăn, vướng mắc của các tổ chức, cá nhân đang tham gia vào lĩnh vực khoáng sản; tuyên truyền, giải thích các chính sách, quy định của pháp luật về lĩnh vực khoáng sản. Về cơ bản, các doanh nghiệp đã hưởng ứng và đánh giá cao về hiệu quả công tác tuyên truyền.

Trên cơ sở hướng dẫn của Nghị định 203/2013/NĐ-CP, Ủy ban nhân dân các tỉnh đã ban hành Quyết định thành lập Tổ tính, thẩm định tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; giao cơ quan chủ trì và các cơ quan phối hợp để triển khai thực hiện Nghị định.

**2. Kết quả đạt được sau 04 năm thực hiện Nghị định số 203/2013/NĐ-CP**

Thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại khoản 3 Điều 84 Luật khoáng sản và Nghị định số 203/2013/NĐ-CP, chính sách thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản có kết quả như sau:

- Đã hoàn thành việc tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với tất cả các Giấy phép khai thác thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp trước ngày Nghị định số 203/2013/NĐ-CP có hiệu lực (bao gồm cả các Giấy phép cấp trước ngày 01/7/2011) ngay trong năm 2014.

- Đến nay, tổng số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản của tất cả các mỏ thuộc thẩm quyền cấp phép của Trung ương và địa phương đã xác định tính đến hết năm 2017 là **43.462** tỷ đồng, trong đó:

+ Đối với các Giấy phép khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường: hơn **30.000** tỷ đồng;

+ Đối với các Giấy phép khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trên **12.000** tỷ đồng.

- Về số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đã thu được cho ngân sách nhà nước: theo báo cáo của Tổng cục thuế (từ tháng 01 năm 2014 đến hết năm 2017) đã thu là **14.989** tỷ đồng. Như vậy, hiện nay trung bình mỗi năm Nhà nước thu cho ngân sách từ tiền cấp quyền khai thác khoáng sản khoảng **4.000 - 4500** tỷ đồng.

- Về giai đoạn từ ngày 01 tháng 7 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013, Thủ tướng Chính phủ đã đồng ý chưa thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với phần trữ lượng đã khai thác từ ngày 01 tháng 7 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 (Văn bản số 723/TTg-KTN ngày 21 tháng 5 năm 2014), đồng thời Chính phủ đã có Báo cáo số 388/BC-CP gửi Ủy ban Thường vụ Quốc hội và kiến nghị việc xem xét, miễn thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản giai đoạn này nhưng đến nay chưa có ý kiến chính thức của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về vấn đề này.

**3. Đánh giá việc thực hiện các quy định của Nghị định số 203/2013/NĐ-CP**

Việc tổ chức tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo quy định của Luật Khoáng sản, Nghị định số 203/2013/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn đã góp phần tích cực vào việc nâng cao hiệu quả của hoạt động khai thác khoáng sản, nâng cao trách nhiệm, nghĩa vụ của doanh nghiệp khai thác khoáng sản đối với nhà nước và địa phương;

Từ khi Nghị định số 203/2013/NĐ-CP có hiệu lực, đã khắc phục cơ bản tình trạng đầu cơ xin cấp mỏ để mua, bán chuyển nhượng quyền khai thác; hạn chế tình trạng các doanh nghiệp khai thác nhỏ lẻ, manh mún, không có năng lực tài chính, giữ mỏ không khai thác…

Việc triển khai thực hiện thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đã góp phần tạo nguồn lực tài chính cho ngân sách để tái đầu tư cho hạ tầng cơ sở, an sinh xã hội, cải tạo môi trường và những tác động khác do khai thác khoáng sản gây ra, từ đó phát triển kinh tế - xã hội, phát triển đất nước. Người dân nơi có khu vực khoáng sản khai thác cũng đồng thuận với việc thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản.

Công tác tham mưu, thẩm định, tiếp nhận hồ sơ tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản được thực hiện chặt chẽ, theo đúng các quy định của pháp luật.

Việc phối hợp thực hiện giữa trung ương và địa phương tương thường xuyên, chặt chẽ và có sự trao đổi qua lại giữa các cấp quản lý để kịp thời tháo gỡ, giải thích các vướng mắc trong quá trình thực hiện Nghị định. Cơ chế phối hợp giữa Bộ Tài nguyên và Môi trường và các Sở địa phương với cơ quan thuế trong việc đánh giá sản lượng tài nguyên khai thác thực tế với sản lượng báo cáo ngày càng chặt chẽ hơn, góp phần hạn chế tình trạng tổ chức, cá nhân kê khai thông đúng thực tế.

Phần lớn các địa phương cho rằng phương pháp xác định trữ lượng tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, phương pháp quy đổi giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản là phù hợp với thực tế, áp dụng thực hiện thuận lợi.

**II. NHỮNG KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC, BẤT CẬP VÀ NGUYÊN NHÂN**

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, việc thực hiện Nghị định 203/2013/NĐ-CP vẫn tồn tại các bất cập và khó khăn, vướng mắc nhất định. Cụ thể như sau:

***II.1. Về phương pháp tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản***

- Chưa có quy định hoặc hướng dẫn cụ thể cách tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với khoáng sản đi kèm, cát khai thác ở lòng sông…

***-*** Khi xem xét cấp phép khai thác, còn tồn tại nhiều dự án thiếu những thông tin cơ bản về địa chất, khoáng sản như: trữ lượng địa chất huy động khai thác, trữ lượng địa chất ở thể tự nhiên (*hoặc ở thể nguyên khai*) được thể hiện không rõ ràng cụ thể… nên việc xác định trữ lượng để tính tiền cấp quyền khai thác gặp khó khăn.

- Một số Giấy phép khai thác khoáng sản cấp trước Luật khoáng sản năm 2010 có hiệu lực đã quy định trữ lượng được phép khai thác theo các tài liệu tìm kiếm đánh giá, mức độ tin cậy của tài liệu còn thấp, gây rủi ro cho các đơn vị khai thác khoáng sản. Mặt khác, thời điểm này chưa có quy định phải nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, do đó, các doanh nghiệp chưa tính toán để xác định hiệu quả đầu tư. Đến nay, phát sinh thêm chi phí nộp tiền cấp quyền dẫn đến hiệu quả kinh tế bị giảm hoặc không có hiệu quả***.***

- Việc xác định trữ lượng để tính tiền cấp quyền khai thác chưa khái quát được đầy đủ các trường hợp ghi trữ lượng trong Giấy phép khai thác khoáng sản đã cấp phép theo quy định của Luật khoáng sản năm 1996 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khoáng sản năm 2005; Điều 2 Nghị định số 203/2013/NĐ-CP quy định trữ lượng tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (Q) là trữ lượng địa chất nằm trong ranh giới khu vực được cấp phép khai thác. Tuy nhiên, tại điều 6 Nghị định này, trữ lượng tính tiền chia ra nhiều trường hợp liên quan đến trữ lượng khai thác và phải quy đổi ra trữ lượng địa chất,…do vậy, rất khó xác định số liệu chính xác và thống nhất (về tính pháp lý) để xác định cụ thể trữ lượng tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản.

***II.2. Về giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản***

- Giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản được tính trên cơ sở giá thuế tài nguyên, mà loại thuế này lại do từng địa phương quy định. Trong khi đó, giá tính thuế tài nguyên được xác định theo giá bán sản phẩm, bao gồm nhiều loại chi phí khác như như chi phí thăm dò, xây dựng cơ bản mỏ, lương, khâu hao máy móc… các loại chi phí này cao thấp khác nhau tùy doanh nghiệp, tùy từng vùng và có biến động liên tục. Do vậy, dẫn đến thiếu công bằng giữa các doanh nghiệp hoạt động khai thác khoáng sản trên toàn quốc.

- Theo báo cáo, kiến nghị của các doanh nghiệp khai thác khoáng sản: giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, giá tính thuế tài nguyên đối với một số loại khoáng sản làm VLXD thông thường như đá vôi, cát sỏi còn cao so với giá bán ra trên thị trường, dẫn đến số tiền cấp quyền phải nộp rất lớn.

- Giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với vật liệu xây dựng chưa được quy định rõ. Nguyên nhân: do Thông tư 44/2017/TT-BTC quy định khung giá tính thuề tài nguyên đối với khoáng sản làm VLXDTT được chia thành các nhóm đá sau nổ mìn, đá xô bồ (khoáng sản khai thác); đá hộc và base; đá lô ca… với các mức giá khác nhau. Như vậy, khó xác định được giá nào để xác định tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với khoán sản làm VLXDTT.

- Khung giá tính thuế tài nguyên của một số loại khoáng sản được ban hành tại Thông tư 44/2017/TT-BTC là cao so với mặt bằng chung. Ví dụ: tại tỉnh Ninh Thuận cát xây dựng có giá bán trung bình khoảng 150.000 đồng/m3 nhưng giá thấp nhất của khung là 245.000 đồng/m3.

- Thông tư 38/2017/TT-BTNMT ngày 16/10/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường chưa hướng dẫn cách xác định giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản cát sông.

***II.3. Về hệ số liên quan đến phương pháp khai thác (K1­)***

- Hệ số K1 được quy định chưa phù hợp với thực tế. Ví dụ: mỏ khai thác lộ thiên theo quy định hệ số thu hồi K1 = 0,9 nhưng thực tế các dự án được phép khai thác hệ số thu hồi K1 chỉ đạt giao động từ 0,7 đến 0,85 dẫn đến kết quả tính tiền cấp quyền lớn hơn so với phần trữ lượng khai thác được trong thực tế.

***II.4. Về mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (R)***

- Mức thu tiền giữa các loại, nhóm khoáng sản chưa có sự khác biệt nhiều.

- Nhóm vật liệu xây dựng thông thường bao gồm cát san lấp, cát, sỏi, sạn xây dựng có R = 5%. Tuy nhiên, giá thành của cát, sỏi, sạn cao hơn nhiều lần so với cát san lấp nhưng mức thu tiền là giống nhau, điều này không phù hợp với thực tế.

***-*** Khung giá tính thuế tài nguyên do Bộ Tài chính ban hành cao hơn nhiều so với thực tế (gấp 1,5-3 lần trước đây). Trong khi đó, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản giao động từ 1% - 5% cũng là cao. Do đó, tiền cấp quyền khai thác khoáng sản các DN phải nộp tăng cao, gây khó khăn và nguy cơ ngừng hoạt động sản xuất đối với các DN. Đề nghị mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản là 1-2% hoặc đề nghị Bộ Tài chính điều chỉnh giảm giá tính thuế tài nguyên.

- Theo Khoản 2, Điều 7 quy định: “*Trường hợp trong một khu vực khai thác khoáng sản, sản phẩm sau khai thác có nhiều loại và mỗi loại có mức giá khác nhau, thì áp dụng giá trị trung bình các mức giá*”. Nhưng theo Khoản 5 Điều 3: “***Mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (R) được quy định bằng tỷ lệ phần trăm (%) giá trị quặng nguyên khai của khu vực khoáng sản được phép khai thác*”**. Do vậy, giá tính tiền được xác định theo giá của thành phẩm nhưng mức thu tiền được xác định theo giá trị quặng nguyên khai là có sự mâu thuẫn.

- Theo quy định của Luật Khoáng sản 2010, giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản được xác định theo giá tính thuế tài nguyên do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng, công bố và tại thời điểm tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản còn hiệu lực. Mỗi loại khoáng sản chỉ áp dụng một mức giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản,..quy định còn nhiều bất cập, tạo sự bất công bằng giữa các doanh nghiệp hoạt động khoáng sản. Hầu hết trữ lượng khoáng sản của các mỏ trong quá trình thăm dò không được đánh giá kinh tế nhưng tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với 03 cấp trữ lượng (cấp 111, 121, 122) là như nhau cho dù mức độ tin cậy về địa chất cũng như mức độ hiệu quả kinh tế là khác nhau; việc xác định mức thu cần xác định theo nhóm khoáng sản tuy nhiên đề nghị mỗi nhóm khoáng sản phải liệt kê cụ thể từng loại khoáng sản.

***II.5. Về phương thức thu, nộp***

- Quy định như hiện nay với mức thu dưới 01 tỷ đồng nộp 1 lần là quá lớn, nhất là đối với các mỏ khoáng sản vật liệu xây dựng thông thường quy mô nhỏ, trữ lượng và công suất khai thác thấp**.**

- Quy định “nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản các năm tiếp theo trước ngày 31/3 hàng năm” còn gặp khó khăn trong quá trình thực hiện vì đầu năm tiếp theo, cơ quan thuế ra thông báo nộp tiền, các đơn vị hoạt động khoáng sản chỉ có khoảng thời gian ngắn để chuẩn bị tài chính cho số tiền phải nộp dẫn đến khó khó bố trí nguồn vốn nộp tiền đúng hạn và phải chịu thêm mức chậm nộp theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

- Một số mỏ do vướng mắc trong công tác thỏa thuận, bồi thường giải phóng mặt mặt bằng, chưa thể đưa mỏ vào khai thác, chưa có doanh thu nên khó khăn trong việc thực hiện nộp tiền.

- Chưa có các quy định về hoãn, giãn thời gian nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với các doanh nghiệp chưa thể triển khai hoạt động khai thác khoáng sản do trường hợp bất khả kháng.

- Chưa có quy định về việc hoàn trả, đối trừ tiền cấp quyền khai thác khoáng sản trong trường hợp hết thời hạn khai thác nhưng trữ lượng khoáng sản của mỏ vẫn còn hoặc tổng trữ lượng đã khai thác nhỏ hơn trữ lượng được cấp theo giấy phép khai thác khoáng sản; chưa có quy định về việc điều chỉnh, khấu trừ tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đã nộp trong trường hợp trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản, trả lại một phần diện tích khai thác khoáng sản hoặc do nhà nước thu hồi vào các mục đích an ninh quốc phòng, khu vực cấm…khi chưa hết thời hạn khai thác đối với Giấy phép.

- Đối với những mỏ cấp sau ngày Nghị định 203/2013/NĐ-CP có hiệu lực, thời gian nộp tiền bằng ½ thời gian của dự án dẫn đến trữ lượng tiền cấp quyền doanh nghiệp phải nộp gấp 2 lần công suất khai thác hàng năm. Điều này là không phù hợp với cơ chế tài chính doanh nghiệp, lợi nhuận không đảm bảo để bù đắp cho chi phí nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đã ứng trước nhưng chưa khai thác.

***-*** Số lần nộp tiền và thời điểm kết thúc nộp tiền cấp quyền ktks là không phù hợp với thực tế và không công bằng giữa Giấy phép cấp trước ngày Nghị định có hiệu lực và Giấy phép cấp sau ngày Nghị định có hiệu lực. Ví dụ: Thời gian GP cùng là 14 năm. Tuy nhiên, có GP được nộp 10 lần, có GP được nộp 7 lần***.***

- Chưa có quy định cụ thể đối với các trường hợp giấy phép hết thời hạn, trả lại giấy phép khai thác khoáng sản do nguyên nhân khách quan mà doanh nghiệp chưa đưa mỏ vào khai thác thì trách nhiệm nộp tiền cấp quyền khai thác của doanh nghiệp thế nào? Nếu thực hiện theo đúng quy định thì buộc doanh nghiệp phải thực hiện là bất khả thi do doanh nghiệp chưa thực hiện khai thác khoáng sản và đã trả lại giấy phép (trả lại khoáng sản cho Nhà nước); chưa quy định, hướng dẫn cụ thể việc thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản trong trường hợp giấy phép bị thu hồi, doanh nghiệp không còn khả năng thanh toán, trường hợp doanh nghiệp đã đi vào hoạt động khai thác (có sản lượng) nhưng giấy phép đã hết hạn, đã dừng hoạt động;

***­-*** Quy định thời điểm nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản còn chưa phù hợp vì: những năm đầu cấp phép, doanh nghiệp đang trong giai đoạn xây dựng cơ bản mỏ, đầu tư máy móc, thiết bị đền bù giải phóng mặt bằng nên chưa có doanh thu; tạo ra sự thiếu công bằng giữa các doanh nghiệp được cấp trước và sau ngày Nghị địn 203/2013/NĐ-CP có hiệu lực, cùng một số tiền, cùng một thời gian cấp phép nhưng doanh nghiệp được cấp giấy phép trước ngày Nghị định 203/2013/NĐ-CP được nộp số lần nhiều hơn doanh nghiệp được cấp giấy phép sau ngày Nghị định 203/2013/NĐ-CP có hiệu lực.

***II.6. Về chế độ quản lý và sử dụng tiền cấp quyền khai thác khoáng sản***

- Quy định như hiện nay về phương thức nộp tiền đối với giấy phép do Trung ương cấp quy định nộp 70% cho ngân sách Trung ương, 30% cho ngân sách địa phương được một số địa phương cho rằng chưa phù hợp.

- Theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 203/2013/NĐ-CP *“Hàng năm cơ quan Tài nguyên và Môi trường lập dự toán chi cho nhiệm vụ điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản, bảo vệ khoáng sản chưa khai thác cùng với thời điểm xây dựng dự toán ngân sách nhà nước, gửi cơ quan Tài chính, cơ quan Kế hoạch và Đầu tư..”.* Tuy nhiên, theo quy định Sở Tài nguyên và Môi trường không có chức năng nhiệm vụ điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản do đó cần quy định cụ thể hơn về nội dung này. Đồng thời, chưa có những hướng dẫn cụ thể về lập dự toán, định mức chi cho công tác bảo vệ tài nguyên khoáng sản.

- Chưa quy định về chế độ quản lý và sử dụng tiền cấp quyền khai thác khoáng sản.

***II.7. Về cơ chế phối hợp từ Trung ương đến địa phương và các doanh nghiệp khai thác khoáng sản***

- Chưa có sự phối hợp chặt chẽ giữa các ngành và địa phương, như việc các giấy phép khai thác khoáng sản do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp, sau khi tính tiền, quyết định phê duyệt tiền cấp quyền không gửi cơ quan chuyên môn của tỉnh để theo dõi và đôn đốc thực hiện.

- Đối với các cơ quan trung ương cần tổ chức tuyên truyền, áp dụng sát với thực tế của từng địa phương; đối với cơ quan thuế địa phương cần quy định rõ việc phối hợp, công tác tổng hợp số liệu thu, nộp với Sở Tài nguyên và Môi trường và UBND cấp tỉnh; công tác xử lý vi phạm, chậm nộp thuế.

- Tại điểm đ Khoản 2 Điều 15 quy định hàng năm Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp số liệu về công tác thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản tại địa phương, trình Ủy ban nhân dân tỉnh, đồng thời báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ là chưa phù hợp vì cơ quan thông báo, đôn đốc thu là Cục Thuế tỉnh; nội dung này cũng thể hiện trong Nghị định 158, dẫn đến báo cáo 2 lần.

***II.8. Về đánh giá tác động của việc cấp phép khai thác khoáng sản thông qua chính sách thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với công tác quản lý nhà nước về khoáng sản; doanh nghiệp khai thác khoáng sản; người dân nơi có khu vực khoáng sản khai thác***

- Đến nay khoản tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp vẫn là một khoản chi phí lớn đối với các đơn vị hoạt động khoáng sản; mặc dù công tác đôn đốc nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản được thực hiện liên tục, thường xuyên, bằng nhiều hình thức nhưng tình trạng nợ đọng tiền cấp quyền khai thác khoáng sản của các doanh nghiệp có chiều hướng gia tăng.

- Trong thực tế có những trường hợp được cấp phép nhưng chưa hoạt động sản xuất do nhiều nguyên nhân khách quan nhưng vẫn bắt buột phải nộp tiền cấp quyền là chưa phù hợp, gây khó khăn về sử dụng nguồn lực tài chính cho các tổ chức, các nhân được cấp phép.

- Thời điểm bắt đầu thực hiện công tác tính, thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (năm 2014) trùng với thời điểm các doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn do khủng hoảng kinh tế dẫn đến càng khó khăn hơn khi phải nộp số tiền cấp quyền quá lớn (có mỏ đá vôi số tiền phải nộp đến vài tỷ đồng/năm).

- Trước khi triển khai thực hiện Nghị định 203/2013/NĐ-CP, cán bộ chuyên môn (chuyên trách) ở cấp tỉnh chưa được đào tạo, tập huấn nghiệp vụ; khi triển khai thực hiện gặp rất nhiều khó khăn, lúng túng; trong khi đó nguồn nhân lực (biên chế) rất hạn chế, không tương xứng với chức năng nhiệm vụ được giao, tác động đến công tác quản lý NN về khoáng sản tại địa phương.

- Nhiều doanh nghiệp khai thác khoáng sản được cấp phép trước ngày Nghị định 203/203/NĐ-CP có hiệu lực cố tình né tránh, kéo dài thời gian kê khai nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, gây khó khăn cho công tác quản lý nhà nước về khoáng sản; nhiều doanh nghiệp không hài lòng với chính sách thu tiền cấp quyền, cụ thể là phương thức thu nộp, thời gian hoàn thành việc nộp tiền cấp quyền gây khó khăn trong khâu hạch toán chi phí sản xuất hàng năm vào trong giá thành sản phẩm, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp trong hoạt động khoáng sản là chưa thỏa đáng, đầy đủ.

- Việc phải nôp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với các mỏ chưa tiến hành khai thác do gặp khó khăn trong việc giải phóng mặt bằng đã làm tăng chi phí đầu tư, giá thành sản phẩm, thời gian hoàn vốn của doanh nghiệp dẫn đến doanh nghiệp chây ỳ hoặc không chịu nộp tiền cấp quyền khai thác, gây rất nhiều khó khăn cho cơ quan quản lý. Thực tế, hiện nay các khoản thu nộp ngân sách nhà nước đối với các đơn vị khai thác khoáng sản là rất cao. Tác động lớn đến hoạt động của các đơn vị. Trong thời gian qua, một số đơn vị khai thác khoáng sản phải dừng hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc trả lại giấy phép.

# ***II.9. Các vấn đề khác***

- Phần giải thích từ ngữ tại Nghị định số 203/2013/NĐ-CP không có khái niệm về tiền cấp quyền khai thác khoáng sản. Điều này gây ra nhiều vấn đề tranh cãi, thắc mắc, nhiều doanh nghiệp cho rằng có hiện tượng trùng lặp thuế tài nguyên.

- Chưa có hướng dẫn cụ thể về trình tự, thủ tục, phương pháp thực hiện việc đánh giá trữ lượng còn lại của mỏ, làm căn cứ xác định trữ lượng tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản.

- Đối với các đơn vị cố tình vi phạm không thực hiện việc nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản thì chưa có quy định cụ thể về việc chậm nộp sau thời hạn bao lâu thì bị tước quyền sử dụng giấy phép khai thác khoáng sản; thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản.

- Theo điểm b khoản 2 Điều 15 của Nghị định số 203/2013/NĐ-CP quy định cơ quan Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan chủ trì xây dựng, điều chỉnh giá tính thuế tài nguyên trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và gửi cho Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam trước ngày 30/10 hàng năm. Tuy nhiên tại các Nghị định, Thông tư về thuế tài nguyên thì công tác chủ trì xây dựng, điều chỉnh giá tính thuế tài nguyên thuộc cơ quan Tài chính, dẫn đến có sự chồng chéo về chức năng, nhiệm vụ.

- Về kinh phí tổ chức xác định tiền cấp quyền khai thác khoáng sản: vào thời điểm đầu năm không thể dự toán chính xác một năm xác định thu thập số liệu tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản cho bao nhiêu tổ chức, cá nhân. Đề nghị xác định cụ thể kinh phí tổ chức xác định tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo từng mỏ và là một tỷ lệ phần trăm trong tổng số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp.

- Chưa có chế tài hoặc quy định cụ thể đối với các doanh nghiệp đã nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đợt đầu nhưng chậm nộp tiền các đợt sau do khó khăn về vốn, đang xây dựng cơ bản mỏ, hoặc đang tạm dừng hoạt động hoặc hoạt động khai thác chưa mang lại hiệu quả kinh tế do tác động bởi các yếu tố bất lợi cho sản xuất kinh doanh.

Quy định xử lý vi phạm đối với nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản tại Khoản 6 Điều 35 Nghị định 33/2017 là chưa cụ thể về trình tự xử lý vì 02 hình thức xử phạt là khác nhau, có áp dụng đồng thời được hay không, đối với trường hợp doanh nghiệp bị xử phạt đến mức thu hồi giấy phép thì số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải thực hiện tới thời điểm nào.

**III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ**

**III.1. Đối với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ:**

- Đề nghị Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trình Quốc hội quyết định không thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản từ ngày 01/7/2011 đến 31/12/2013.

- Xem xét lại trữ lượng tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, chỉ nên tính trữ lượng doanh nghiệp được phép khai thác vì trữ lượng để lại do an toàn mỏ khá lớn.

- Xem xét, điều chỉnh nội dung quy định tại khoản 2 Điều 40 Nghị định 158/2016/NĐ-CP *“…trữ lượng huy động vào thiết kế khai thác không được nhỏ hơn 20% tổng trữ lượng đã phê duyệt”.*

- Bổ sung khoản 4 Điều 11 :“ *Trường hợp mỏ đã đóng cửa, trả lại Giấy phép khai thác, tiền cấp quyền khai thác khoáng sản được xác định, điều chỉnh trên cơ sở trữ lượng đã khai thác tính đến thời điểm có Quyết định đóng cửa, trả lại Giấy phép khai thác”*.

**-** Điều chỉnh khoản 2 Điều 15: “*Chủ trì xây dựng, điều chỉnh giá tính thuế tài nguyên….”* sửa thành *“Tham gia phối hợp xây dựng, điều chỉnh giá tính thuế tài nguyên…”.*

- Điều chỉnh mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản để phù hợp giá trị của loại khoáng sản hoặc nhóm mỏ khoáng sản.

- Đối với nhóm khoáng sản làm vật liệu xây dựng, quy định tại Phụ lục II Nghị định 158/2016/NĐ-CP cần xem xét cập nhật, sửa đổi sổ sung tên gọi cho sát hợp với Thông tư số 44/2017/TT-BTC để thuận lợi cho việc áp dụng thực hiện tại địa phương.

- Đối với loại khoáng sản đi kèm với khoáng sản chính hoặc khoáng sản thu thêm được trong quá trình khai thác, cần quy định cụ thể hơn theo hướng mức thu thấp đối với các loại này, vì đây là khoáng sản phụ, chi phí cho chế biến rất lớn, để thu thêm được loại này cần phải khuyến khích doanh nghiệp đầu tư, nhằm sự dụng tối đa khoáng sản có ích, tránh lãng phí tài nguyên.

- Điều chỉnh phân chia tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với Giấy phép khai thác do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp.

- Xem xét quy định các mỏ có tổng số tiền cấp quyền khai thác dưới 500 triệu nộp một lần, từ 500 triệu trở lên nộp nhiều lần để tạo điều kiện các doanh nghiệp nhỏ có vốn để duy trì hoạt động sản xuất.

- Xem xét điều chỉnh thời điểm nộp tiền cấp quyền phù hợp với thời kỳ sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp khai thác khoáng sản để giảm áp lực cho các doanh nghiệp.

- Bổ sung thêm đối tượng phải nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản như Khoản 3 Điều 64 Luật khoáng sản.

- Có cơ chế chính sách về miễn, giãn lùi, giảm tiền nộp quyền cấp quyền khai thác khoáng sản đồi với một số doanh nghiệp được Giấy phép khai thác khoáng sản cấp trước ngày Nghị định 203/2013/NĐ-CP ngày 28-11-2013 gặp khó khăn do suy thoái kinh tế, không khai thác được do nguyên nhân khách quan. Đề nghị có cơ chế cho phép Ủy ban nhân dân các tỉnh thực hiện xem xét, quyết định đối với các tổ chức, cá nhân vì gặp phải nguyên nhân khách quan sau khi được cấp Giấy phép khai thác khoáng sản dẫn đến gặp khó khăn trong thực hiện nghĩa vụ về nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản được thực hiện nghĩa vụ của mình theo từng thời điểm, giai đoạn nhưng không thay đổi tổng giá trị tiền cấp quyền khai thác phải thực hiện đối với nhà nước.

- Bổ sung quy định về xử lý nợ tiền thu tiền cấp quyền đối với các trường hợp doanh nghiệp trả mỏ, doanh nghiệp bị thu hồi mỏ, doanh nghiệp hết hạn khai thác mỏ, doanh nghiệp phá sản…

**2. Đề nghị của các địa phương đối với các Bộ, Ngành:**

- Đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường có văn bản hướng dẫn việc xác định trữ lượng còn lại đối với các mỏ đã khai thác, đề nghị trả lại một phần hoặc trả lại toàn bộ Giấy phép khai thác.

- Đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường gửi các thông báo nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản cho Ủy ban nhân dân tỉnh để biết, theo dõi nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước trong hoạt động khoáng sản

- Đề nghị phối hợp với Bộ Tài chính xem xét, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét ban hành quy định hướng dẫn giải quyết các trường hợp sau:

+ Một số mỏ trong thời gian được cấp phép chưa khai thác hết phần trữ lượng, nhưng đã nộp hết tiền cấp quyền khai thác khoáng sản. Nay mỏ hết hạn, doanh nghiệp đề nghị trả lại số tiền cấp quyền khai thác đã nộp đối với phần trữ lượng còn lại chưa khai thác hết.

+ Một số mỏ đã đóng cửa mỏ (bị thu hồi giấy phép khai thác hoặc doanh nghiệp không còn hoạt động trên địa bàn) nhưng chưa nộp hết tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (khoáng sản chưa khai thác hoặc chưa khai thác hết). Hiện nay, không có quy định về bãi bỏ các quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đã ban hành, do vậy rất khó khăn cho cơ quan chuyên môn. Đề nghị, xem xét các trường hợp cụ thể nêu trên, cho phép bãi bỏ quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản để địa phương thuận lợi cho công tác quản lý, theo dõi.

- Đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường tăng cường tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý khoáng sản.

**-** Đề nghị Bộ Tài Chính điều chỉnh khung giá tính thuế tài nguyên quy định tại Thông tư 44/2017/TT-BTC phù hợp với tính hình thực tế của các địa phương.

***-*** Đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn cách tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với cát sông.

- Đề nghị Các Bộ ngành kịp thời hướng dẫn thực hiện khi ban hành Nghị định mới, chú trọng những quy định về điều kiện chuyển tiếp từ cũ sang mới.

**BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**